

**Đại học Đông Dương, 1906-1945-**  
**nỗ lực hiện đại hoá và định hướng nghiên cứu ứng dụng**

TS. Trần Thị Phương Hoa  
Viện Nghiên cứu châu Âu

Tóm tắt

*Năm 1906, khi Paul Beau, người kế tục chính sách ôn hoà của Paul Bert và Lanessan, đề ra một chương trình giáo dục trên toàn xứ Đông Dương thì khái niệm giáo dục Pháp-Việt mới chính thức mang nội hàm đầy đủ của nó. Một hệ thống trường lớp gồm ba cấp học: Tiểu học, Trung học, Đại học đã được hình thành, tuy chỉ mới hiện diện như một bộ khung. Đại học Đông Dương là thiết chế đại học duy nhất toàn Đông Dương đã chính thức ra đời trong bối cảnh này.*

*Bài viết sẽ trình bày khái quát các giai đoạn phát triển của Đại học Đông Dương- giai đoạn trầm lắng 1906-1917; giai đoạn hoàn thiện 1917-1932; giai đoạn phát triển theo chiều sâu 1932-1945. Bài viết cũng chú trọng phân tích Luật Cao đẳng, trong đó chương trình và định hướng của Đại học Đông Dương được quy định rõ. Đặc biệt, quá trình hiện đại hoá chương trình và phát triển theo hướng nghiên cứu ứng dụng sẽ được đi sâu tìm hiểu, cụ thể là qua hoạt động của trường Y và trường Luật. Tác giả cũng sẽ cố gắng tìm nguyên nhân vì sao các ngành khoa học cơ bản, đặc biệt là các môn khoa học xã hội nhân văn lại không được quan tâm đầy đủ trong nhà trường. Mặc dù kế hoạch cho những ngành này đã có thời điểm được đưa ra bàn thảo nhưng không được thực hiện ráo riết. Điểm nhấn của tham luận nhằm vào giai đoạn 1932-1945, khi trình độ dạy và học của giáo viên và sinh viên đã được công nhận rộng rãi và có đóng góp vào không gian khoa học của châu Âu đương thời.*

Giáo dục là một trong những lĩnh vực sớm được thực dân Pháp tiến hành cải cách, nhằm hạn chế và tiến tới chấm dứt ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Việt Nam, xoá bỏ dần Nho học và thay vào đó là một nền học vấn kiểu mới. Năm 1906 Toàn quyền Paul

Beau ra quyết định thành lập Đại học Đông Dương. Năm 1907, trường chính thức khai giảng tại Hà Nội. Đây là bước ngoặt trong lịch sử đại học Việt Nam. Mặc dù ở Việt Nam đã tồn tại một trường đại học có bề dày lịch sử gần ngàn năm (Quốc tử giám), trường Đại học Đông Dương dường như được xây dựng theo mô hình phương Tây hoàn toàn và không hề có mối liên hệ nào với truyền thống đại học của Việt Nam. Bài viết này xem xét quá trình phát triển của Đại học Đông Dương từ khi thành lập đến năm 1945, đặc biệt nhấn mạnh đến hai định hướng quan trọng của trường: cung cấp đội ngũ viên chức có năng lực nhằm duy trì một nền hành chính công hiệu quả và đào tạo những chuyên gia có khả năng nghiên cứu ứng dụng và thực hành.

## **1. Trường Y và Đại học Đông Dương trong bối cảnh hình thành các cơ sở khoa học hiện đại**

### **1.1. Trường Y và việc hình thành các cơ sở nghiên cứu khoa học**

Việc hình thành cơ quan nghiên cứu ở Đông Dương và đặc biệt là ở Bắc Kỳ đã được Paul Bert, Tổng trú sứ đầu tiên của Trung Bắc Kỳ chủ trương thực hiện. Ngày 3 tháng 7 năm 1886, Paul Bert lập Viện Hàn lâm Bắc Kỳ (Académie Tonkinoise- Bắc Kỳ Hàn lâm viện), với 40 nhà nho người Việt Nam và 10 người Pháp do chính Paul Bert làm chủ tịch và một đại diện của Triều đình nhà Nguyễn làm Phó chủ tịch. Mục tiêu của Viện Hàn lâm Bắc Kỳ là:

“Nghiên cứu và thu thập các di sản văn hóa ở vùng Bắc Kỳ

Giới thiệu kiến thức khoa học hiện đại và tiên bộ của văn minh phương Tây, giới thiệu cuộc sống của người châu Âu bằng cách dịch và xuất bản sách bằng tiếng An Nam, đồng thời dịch và xuất bản bằng tiếng Pháp những bộ biên niên sử quan trọng nhất của các triều đại ở Bắc Kỳ. Một ủy ban nghiên cứu được thành lập để thực hiện những hoạt động này. Ở các thành phố lớn cần mở các thư viện và một thư viện Quốc gia tại Hà Nội” (Nghị định lập Bắc Kỳ Hàn lâm viện do Paul Bert ký ngày 3/7/1886).

Một trợ thủ đắc lực của Paul Bert là Gustave Dumoutier, một nhà Đông phương học đã nỗ lực nghiên cứu và công bố nhiều công trình về văn hoá xã hội truyền thống của người Việt. Tuy nhiên, định hướng nghiên cứu “phương Đông” của Dumoutier không

được Paul Doumer, người đã tốt nghiệp trường *Conservatoire national des arts et métiers* nơi đào tạo kỹ sư danh tiếng của Paris, nhiệt tình ủng hộ. Theo chủ nghĩa kỹ trị, Paul Doumer chú trọng tới khoa học ứng dụng và đào tạo thực nghiệp. Sau khi lên nắm quyền, Doumer đã lập ra một loạt các cơ sở khoa học và cam kết hỗ trợ các cơ sở đã được hình thành từ trước, trong đó có:

- Viện Viễn đông Bác cổ (1898), chú trọng tới nghiên cứu lịch sử, văn hoá ngôn ngữ thông qua các phương pháp khoa học tiên tiến, đặc biệt là khai quật khảo cổ học
- Nha Khí tượng Đông Dương (1898)
- Nha Địa lý Đông Dương (1899)
- Nha bản đồ địa chất (1897)
- Viện Pasteur Nha Trang (do Yersin thành lập năm 1895)
- Viện vi trùng Sài Gòn (1891)
- Phòng thí nghiệm vi trùng Hà Nội
- Trường Y Hà Nội (1902), do Yersin làm hiệu trưởng

Doumer đã chỉ ra mục đích chính của trường Y, “là một cơ sở khoa học và thực hành ứng dụng. Mục tiêu đầu tiên của trường là đào tạo ra các bác sĩ châu Á, cùng làm việc và dưới sự chỉ dẫn của bác sĩ Pháp, thực hiện các dịch vụ y tế chăm sóc sức khoẻ ở Đông Dương; mục tiêu thứ hai là góp phần nghiên cứu tìm ra nguyên nhân và cách chữa trị các loại bệnh mà người Âu và người bản xứ mắc phải ở Viễn Đông”<sup>1</sup>

Trường Y là thành viên đầu tiên đồng thời cũng là cốt lõi của Đại học Đông Dương và có đóng góp quan trọng vào sự phát triển của trường.

## 1.2. Hình thành đại học Đông Dương

Có ít nhất ba lý do giải thích động cơ dẫn tới việc ngày 15/6/1906 Toàn quyền

---

<sup>1</sup> Doumer, P, 1902, *Situation de l'Indo-chine française de 1897 à 1901*, Hanoi: F.H. Schneider, Imprimeur-Éditeur, 107

Đông Dương Paul Beau ký quyết định thành lập Đại học Đông Dương. Học giả Nguyễn Hiến Lê cho rằng quyết định của Toàn quyền Beau là một hành động mang tính thoả hiệp của nhà cầm quyền Pháp nhằm lấy lòng các nho sĩ Việt Nam. Theo Nguyễn Hiến Lê, các nhà sáng lập Đông Kinh nghĩa thực trong đó có cụ Bá Trạc, Trúc Đàm và Chân Thiết đã viết thư yêu cầu Thống sứ Bắc Kỳ bãi bỏ thi cử kiểu cũ và thiết lập trường Cao đẳng đại học. Việc Paul Beau mở đại học là “kết quả cho sự vận động này”<sup>2</sup>. Một số nhà sử học cho rằng việc Pháp mở trường đại học là nhằm thu hút giới Nho sĩ Việt Nam, hạn chế học sinh Việt Nam sang Nhật theo trào lưu Đông Du đang nổi lên do Phan Bội Châu lãnh đạo<sup>3</sup>. Tác giả Gail Kelly, một chuyên gia về giáo dục Việt Nam thời Pháp thuộc không nhìn thấy động cơ học vấn trong việc thành lập Đại học Đông Dương và chỉ coi đây là một hành động mang tính hành chính khi nhận định “Beau và người tiền nhiệm của ông ta là Doumer coi trường đại học cũng như các công trình thủy lợi ở đồng bằng sông Cửu Long, như hệ thống đường sắt, cầu cống, đường xá mà họ xây dựng ở vào thời điểm giao nhau của thế kỷ XIX và XX”<sup>4</sup>. Trên thực tế, Đại học Đông Dương được thành lập là nhằm hoàn thiện hệ thống giáo dục Pháp-Việt, nhân tố cốt lõi cho giáo dục Đông Dương. Hệ thống Pháp-Việt mà Paul Beau đưa ra gồm có: trường dự bị (preparatoire), trường tiểu học (primaire), trung học (complementaire), và ở bậc cao nhất của hệ thống này là đại học Đông Dương, theo như chủ trương của Paul Beau viết trong báo cáo năm 1908 “ở đỉnh cao của giáo dục Pháp-Việt là trường Đại học Đông Dương”<sup>5</sup>. Hệ thống này năm 1917 được Albert Sarraut điều chỉnh trong Học chính Tổng quy thành ba bậc: Bậc I (Tiểu học); bậc II (Trung học) và bậc III (Cao đẳng, Đại học)

Năm 1906, Đại học Đông Dương được xây dựng trên nền tảng một dự án đầy tham vọng. Theo quyết định ngày 15/6/1907 của Toàn quyền Beau, đại học Đông Dương gồm năm trường thành viên là trường Luật và Hành chính, trường Khoa học, trường Y, trường

---

<sup>2</sup> Xem Nguyễn Hiến Lê (2002), *Đông Kinh Nghĩa Thực*, Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.101-103

<sup>3</sup> Xem Chương Thâu, Hồ Song, Ngô Văn Hoà, Nguyễn Văn Kiệm, Đinh Xuân Lâm (1999), *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Sử học, Khoa học Xã hội, Hà Nội.

<sup>4</sup> Gail P Kelly (2000), “The Myth of Educational Planning: The Case of the Indochinese University, 1906-1938”, *French colonial education: essays on Vietnam and West Africa*, AMS Press, York, tr.28

<sup>5</sup> Beau, P, 1908, *Situation de l'Indochine de 1902 à 1907*, Tome 1, Saigon Imprimerie commerciale Marcellin Rey, 80

Công chính, trường Văn khoa<sup>6</sup>. Nghị định ngày 24/9/1907<sup>7</sup> quy định 22 khoá học với 3 ban:

- Ban khoa học: toán, cơ khí và vũ trụ, vật lý và hoá học đại cương, hoá công nghệ, động vật học, địa chất, sinh lý học và vệ sinh;
- Ban văn chương: tiếng Pháp và văn học Pháp, lịch sử đại cương, địa lý đại cương, lịch sử Đông Dương và Viễn Đông, khoa học giáo dục, thực hành giáo dục.
- Ban pháp lý: luật của nước Pháp, luật và hành chính Việt Nam, kinh tế chính trị và luật thương mại”<sup>8</sup>

Ở vào thời điểm khai giảng, trường đang xây dựng ba phòng thí nghiệm vật lý, hoá học và vạn vật học. Tất cả các khoá học được giảng dạy bằng tiếng Pháp. Tuy nhiên, dường như sự chuẩn bị vẫn chưa thực sự kỹ lưỡng, đặc biệt trường thiếu giảng viên. Báo cáo của Paul Beau mô tả “Trường khai giảng ngày 4/11/1907 với 94 sinh viên và chính thức và 74 dự thính, gồm cả 37 sinh viên trường Y... các khoá học đầu tiên có 15 giảng viên đảm nhiệm, đa phần được lựa chọn trong số giám đốc các nha, các quan toà, kỹ sư công chính, bác sĩ quân y... Để đảm bảo việc dạy và học, nhà trường tổ chức các lớp học buổi tối để giảng viên và sinh viên thu xếp được thời gian phù hợp với công việc mà họ vẫn đang nhiệm”<sup>9</sup>. Về việc tuyển sinh, Đại học nhận sinh viên thoả mãn các điều kiện sau: tốt nghiệp trường Chasseloup Laubat<sup>10</sup>, hoặc có bằng Bỏ túc Trung học (*Complémentaire*)<sup>11</sup>,

---

<sup>6</sup> Xem Đào Thị Diên, “Sự ra đời của Đại học Đông Dương qua tài liệu lưu trữ”, <http://100years.vnu.edu.vn/BTDHOGHN/Vietnamese/C1787/2006/03/N740>

Đình Xuân Lâm, “Từ Đại học Đông Dương đến Đại học Quốc gia Hà Nội”, <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=113&CategoryID=6&News=3511>, ngày 4/10/2010

Phạm Hồng Tung, “100 năm Đại học Đông Dương-Đại học Quốc gia Hà Nội: khởi đầu của mô hình giáo dục đại học hiện đại Việt Nam”, <http://vietbao.vn/Giao-duc/100-nam-Dai-hoc-Dong-Duong-Dai-hoc-Quoc-gia-Ha-Noi-Khoi-dau-cua-mo-hinh-giao-duc-dai-hoc-hien-dai-Viet-Nam/45193969/202/> ngày 11/5/2006

<sup>7</sup> Xem Journal Officiel d’Indochine, 1907, số 80, tr.1458

<sup>8</sup> Beau, P, 1908, Situation ...Tome 2, 321

<sup>9</sup> Beau, P, 1908, Situation ...Tome 2, 321

<sup>10</sup> Trường Chasseloup Laubat lập năm 1874, là trường Trung học đầu tiên lập ra ở Nam Kỳ, lúc đầu là trường Pháp nhưng sau có thêm các lớp Pháp-Việt

<sup>11</sup> Giai đoạn này, trường Thông ngôn là trường duy nhất được gọi là *Complémentaire* ở Bắc Kỳ

hoặc Cử nhân, Tú tài biết thành thạo tiếng Pháp. Ứng cử viên không có bằng cấp gì nhưng nếu được Hội đồng trường đại học thông qua cũng có thể được nhận.

Khi Đại học Đông Dương mở năm 1907, chỉ duy nhất có trường Y đang hoạt động (mở từ năm 1902). Học giả Nguyễn Hiến Lê có mô tả lại quang cảnh khai trường năm 1907 như sau “Trường đại học mở thật, không rõ là văn khoa hay luật khoa, y khoa, chỉ biết hôm khai trường, một số nhà tân học và cựu học Đông Kinh nghĩa thực lại nghe, nhưng may lắm chỉ có cụ Tôn, cụ Vĩnh là hiểu lõm bõm được ít, còn thì ù ù cạc cạc cả”<sup>12</sup>. Trường Đại học đã đóng cửa sau một thời gian ngắn hoạt động do nhiều nguyên nhân. Ảnh hưởng của vụ Hà thành đầu độc là một trong những lý do chính trị khiến thực dân Pháp xiết chặt các chính sách xã hội, trong đó có giáo dục đại học. Ngoài ra, ở vào thời điểm Đại học Đông Dương khai giảng, hệ thống trường Pháp-Việt còn chưa hoàn thiện, Nho học chiếm ưu thế, nhất là ở Bắc Kỳ. Đây là thời kỳ cải cách các trường Nho học nhằm dần chuyển đổi các trường này thành trường Pháp-Việt. Phương thức chuyển đổi chủ yếu thông qua nội dung giảng dạy và thi cử, theo đó, kể từ năm 1909, môn thi quốc ngữ là bắt buộc trong kỳ thi Hương, kể từ năm 1912, các thí sinh mới bắt buộc phải thi môn tiếng Pháp. Năm 1909 vẫn có 3.968 thí sinh đến dự kỳ thi Hương đầu tiên là văn sách, trong khi đó ở Bắc Kỳ trường Trung học Pháp-Việt duy nhất là trường Bảo hộ mới được lập năm 1908 và chỉ có đến bậc cao đẳng tiểu học. Năm 1909 trường mở kỳ thi tốt nghiệp *Complementaire* đầu tiên, chỉ có 17 người tham dự và lấy đỗ 16<sup>13</sup>. Các sĩ tử vẫn tập trung vào các kỳ thi Hương hơn là vào trường đại học mới mở.

## **2. Đại học Đông Dương- hoạt động trở lại lần thứ hai năm 1917**

Mười năm sau thử nghiệm đầu tiên, Đại học Đông Dương mở cửa trở lại, vào dịp Albert Sarraut lên nhậm chức Toàn quyền lần thứ hai<sup>14</sup>. Cũng thời gian này, việc tổ chức và quản lý giáo dục cao đẳng được hoàn thiện với việc lập Nha Cao đẳng năm 1917 và ban hành Luật giáo dục cao đẳng năm 1918. Ngày 8/7/1917, Nha Cao đẳng (*Direction*

---

<sup>12</sup> Nguyễn Hiến Lê, dd, tr. 103-104

<sup>13</sup> Gouvernement Général de l’Indochine, 1936, *Rapport au conseil de gouvernement. Session ordinaire de 1910*, Hanoi-Haiphong: Imprimerie d’Extrême- Orient, 86

<sup>14</sup> Albert Sarraut đảm nhận hai nhiệm kỳ Toàn quyền Đông Dương. Lần đầu từ năm 1911-1913, lần thứ hai từ năm 1917 đến 1919.

*de l'Enseignement Supérieur*) thành lập<sup>15</sup>. Nha Cao đẳng có chức năng thiết lập, tổ chức các trường đại học và đề xuất chương trình cho các trường cao đẳng và đại học ở Đông Dương. Tất cả các trường cao đẳng đều quy tụ trong Đại học Đông Dương, đặt tại Hà Nội. Thành viên của Đại học Đông Dương gồm trường Y và Dược, trường Thú Y, trường Bách Khoa (Công Chính, Hoá, Điện, Mỏ, Vật Lý và Khoa học Tự nhiên), trường Nông Lâm, trường Thương mại, trường Đóng tàu và Đánh bắt cá, trường Luật và Hành chính, trường Sư phạm. Hồ trợ pháp lý cho giáo dục cao đẳng, Luật giáo dục Cao đẳng được thông qua trong Nghị định ký ngày 25/12/1918 và được hoàn thiện trong Nghị định ngày 9/11/1921<sup>16</sup>. Văn bản này là sự hoàn thiện cho các quy định về luật giáo dục cao đẳng đã được đưa ra trong Học chính Tổng quy 1917, theo đó Đại học Đông Dương có một vai trò quan trọng « Nha Cao đẳng tập trung quản lý tất cả các cơ sở tập hợp lại dưới tên gọi « Đại học Đông Dương ». Nha Cao đẳng có nhiệm vụ chuẩn bị cho việc hình thành, tổ chức hoạt động và lập chương trình cho các trường cao đẳng đã được mở ở Đông Dương dành cho sinh viên người Pháp và bản xứ » (Học chính tổng quy, Art. 527).

Lễ khai giảng của Đại học Đông Dương (ngày 28/4/1917) đã được mô tả chi tiết trong 15 trang của tạp chí *Nam Phong*<sup>17</sup>. Theo đó, tới dự lễ khai giảng có những đại diện cao cấp nhất nhất gồm Vua Khải Định, Toàn quyền Albert Sarraut, Giám đốc Đại học Đông Dương- Tiến sĩ Cognacq. Theo diễn văn khai mạc của Tiến sĩ Cognacq, Đại học Đông Dương gồm những trường sau: trường Y và Dược, trường Thú Y, trường Nông Lâm, trường Luật và Hành chính, trường Sư phạm.

Tại thời điểm mở cửa trở lại lần thứ hai, Đại học Đông Dương vẫn chưa phải là một đại học được công nhận ngang bằng với các đại học bên Pháp. Ông Phạm Quỳnh coi trường đại học ở Đông Dương chỉ là nơi đào tạo các « kỹ thuật viên lành nghề » chứ chưa phải là « một toà lâu đài hàn lâm » đào tạo nên các học giả<sup>18</sup>. Một trong những nguyên

---

<sup>15</sup> Journal Officiel de l'Indochine française 1917, Năm 1924 Nha Cao đẳng sáp nhập với Nha Học chính

<sup>16</sup> Règlement général de l'enseignement supérieur (arrêtes du 25/12/1918 et du 9/11/1921), Hanoi IDEO 1921

<sup>17</sup> *Nam Phong* (1918), “Về việc ngự giá Bắc tuần”, No11, May 1918, pp. 266-280.

<sup>18</sup> Phạm Quỳnh (1917), “Trường Đại học”, *Nam Phong*, số 3, tháng 7/1917, tr. 145-152.

nhân dẫn tới « đẳng cấp thấp » của Đại học Đông Dương chính là do trình độ của sinh viên. Phải tới năm 1925, hệ thống trường phổ thông ở Bắc Kỳ mới đào tạo được các tú tài bản xứ (chương trình 12-13 năm)<sup>19</sup>. Trước đó, học sinh tốt nghiệp Cao đẳng Tiểu học (10 năm)<sup>20</sup> cũng đã được nhận vào Đại học.

Năm 1926, báo *Đông Pháp* chỉ trích sự yếu kém của sinh viên Đại học Đông Dương trong đó có đoạn: “*Trường Đại học đó chẳng qua là hợp mấy trường chuyên môn lại, tương tự như những trường dạy canh nông, cơ khí, thương mại, chứ không phải như Đại học đường Sorbonne, hoặc như Đại học ở Montpellier, Nancy...*”<sup>21</sup>. Điểm yếu của Đại học Đông Dương chính là ở việc thiếu nguồn nhân lực, giáo viên cũng như sinh viên, đồng thời kinh phí cho hoạt động của trường cũng còn nhiều hạn chế.

### **3. Giai đoạn 1932-1945- thu hẹp số lượng trường thành viên nhưng nâng cao chất lượng đào tạo**

Cuộc đại suy thoái 1929-1933 gây tác động nặng nề đến kinh tế và xã hội Đông Dương, Đại học Đông Dương cũng không ngoại lệ. Kể từ năm học 1932-1933 một loạt trường trực thuộc Đại học Đông Dương không tiếp nhận sinh viên mới, bao gồm trường Sư Phạm<sup>22</sup>, trường Công chính, trường Thương mại, trường Nông nghiệp (Xem hình 2). Đến năm 1936 chỉ còn ba trường hoạt động gồm trường Y, trường Luật và Hành chính, trường Mỹ thuật. Năm 1939, trường Mỹ thuật tách khỏi đại học Đông Dương, đứng độc lập thành Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Năm 1941 trường Cao đẳng Khoa học được thiết lập, trực thuộc Đại học Đông Dương. Cùng thời gian này, các trường Cao đẳng như Cao đẳng Nông nghiệp, Cao đẳng Thú y, Cao đẳng Công chính, Địa chính được thành lập như những trường độc lập, nằm ngoài Đại học Đông Dương.

Mặc dù trường đại học hạn chế số lượng trường thành viên, uy tín chuyên môn của Đại học Đông Dương tăng dần. Kể từ năm 1932, trường Y và trường Luật trở thành một

---

<sup>19</sup> Năm 1921, các trường Trung học ở Nam Kỳ đã có các tú tài bản xứ tốt nghiệp nhưng số lượng rất ít

<sup>20</sup> Chương trình phổ thông gồm 6 năm Tiểu học (lấy bằng Tiểu học Pháp-Việt, còn gọi là bằng Cơ thủy), 4 năm Cao đẳng tiểu học (lấy bằng Thành chung) và 2 đến 3 năm Trung học (lấy bằng Tú tài)

<sup>21</sup> *Đông Pháp* (1926), “Sự giả trá của trường Đại học Đông Pháp”, ngày 26 tháng 4 năm 1926.

<sup>22</sup> Các lớp của trường Sư phạm được chuyển sang trường Bảo Hộ



phân hiệu của trường Y và Luật Paris. Từ năm 1941, hai trường này được gọi là faculté<sup>23</sup>. Tạp chí Thanh nghị có bài giới thiệu cụ thể về trường Luật, một nguồn tư liệu quý giúp chúng ta hiểu rõ về nhà trường. Chương trình của trường Luật chiếu theo chương trình của trường Luật Paris: năm thứ nhất sinh viên học Luật Dân sự, Luật La Mã và Kinh tế; năm thứ hai học Luật Hình sự, Bộ máy hành chính Pháp; năm thứ ba học Luật Thương mại, Luật Quốc tế và Luật Tố tụng. Sau hai năm đầu, sinh viên qua hết các kỳ thi thì được lấy bằng Tú tài Luật<sup>24</sup> (Bachelier en droit). Tuy nhiên bằng này không có mấy ý nghĩa. Sinh viên phải học hết năm thứ ba để lấy bằng Cử nhân Luật. Ở năm thứ ba, sinh viên tiếp tục học Luật Đông Dương, gồm có hành chính Đông Dương, Luật Dân sự, Luật hình sự và Luật tố tụng Việt Nam, kinh tế Đông Dương. Muốn tốt nghiệp phải trải qua hai kỳ thi viết và hai kỳ thi vấn đáp. Trước năm 1932, sinh viên trường Luật Hà Nội muốn lấy bằng bằng Cử nhân Luật phải sang Pháp. Kể từ năm 1932, hàng năm có một giáo sư từ Paris sang làm chủ tịch Hội đồng chấm thi tốt nghiệp. Sinh viên đỗ tốt nghiệp được trường Luật Paris cấp bằng. Giáo sư được cử sang Đại học Đông Dương phải tuân thủ đúng yêu cầu của các trường đại học ở Pháp, tức là phải có bằng Tiến sĩ Luật và có ít nhất ba bằng Cao đẳng Luật học, đồng thời qua một kỳ chuyên môn đặc biệt tổ chức ở Paris (aggregation de droit). Từ năm 1933 đã có các giáo sư chuyên môn (agrèges) sang Hà Nội giảng dạy. Một số môn học không đủ người dạy, trường có thể lấy Tiến sĩ Luật nhưng chưa có đủ ba bằng Cao đẳng Luật học. Ngoài ra, có nhiều môn học do giảng viên (chargés de cours) đảm nhiệm. Những người này có thể là các viên chức có bằng Tiến sĩ và có kinh nghiệm thực tiễn (quan toà, quan cai trị..).

Theo chương trình đại học Luật của Pháp, sau khi có bằng Cử nhân, sinh viên mới bắt đầu đi chuyên sâu vào một ngành nào đó, chẳng hạn 1) Công pháp (droit public) gồm có luật hiến pháp, luật cai trị, luật quốc tế; 2) Tư pháp (droit privé) gồm có dân luật, luật hình sự, luật thương mại; 3) Kinh tế học (Economic Politique), 4) Luật La Mã và Lịch sử Pháp luật. Muốn trình Luận án Tiến sĩ, thí sinh phải có ít nhất hai bằng Cao đẳng Luật trong số bốn loại kể trên. Kể từ năm 1941, trường Luật Hà Nội mở thêm ban Cao đẳng

---

<sup>23</sup> Trong hệ thống giáo dục của Pháp, faculté được gọi là đại học, cao hơn école supérieure (cao đẳng). Các faculté được đào tạo bậc tiến sĩ

<sup>24</sup> Thuật ngữ dùng theo *Thanh nghị*, “Trường Cao đẳng Đông Dương”, số tháng 10/1941, tr.5

Tư pháp. Muốn lấy bằng Tiến sĩ, sinh viên có thể lấy một bằng Tư pháp ở Việt Nam và sang Pháp lấy một bằng Cao đẳng Luật nữa để bảo vệ luận án.

Mặc dù trường Luật Hà Nội phỏng theo đúng mô hình Đại học Luật của Pháp, nguồn nhân lực và cơ sở vật chất còn rất hạn chế. Tạp chí Thanh nghị nhận định như sau “Ngoài sự thiếu thày chuyên môn, trường Luật Hà Nội còn thiếu thốn nhiều sách vở là những khí cụ tối cần cho bậc học cao. Ở đây hiện nay chỉ có sách giáo khoa và mười thứ tạp chí chuyên môn thông thường; những sách khảo cứu tường tận về một môn khoa học hay một vấn đề, nhất là các tạp chí chuyên môn uy tín toàn cầu viết bằng tiếng ngoại quốc đều thiếu. Điều khuyết điểm đó đã làm cho vài năm trước đây một vài giáo sư ở trường Luật cũng ngần ngại khi nói đến việc lập ban Cao đẳng Luật học”<sup>25</sup>

Tương tự như trường Luật, chất lượng trường Y Hà Nội cũng dần được công nhận. Thành lập năm 1902, hoạt động sớm nhất trong ngạch cao đẳng, trường Y Hà Nội ban đầu chỉ đào tạo các “cán bộ y tế” và nữ hộ sinh (ban nữ hộ sinh lập năm 1904). Đến năm 1907, trường Y Hà Nội có khoá Y sĩ Đông Dương đầu tiên tốt nghiệp<sup>26</sup>. Người Pháp đã rất thận trọng trong việc đào tạo các bác sĩ. Trường Y hoạt động hơn 30 năm mới có sinh viên tốt nghiệp được công nhận vào ngạch bác sĩ y khoa. Ra đời năm 1902 nhưng tới năm 1923 trường Y mới trở thành một trường Cao đẳng kiêm bị Y Dược (Ecole de Plein Exercice de Médecine et de Pharmacie- trường có đầy đủ các khoá học). Giai đoạn này trường vẫn chỉ đào tạo ngạch Y sĩ và Dược sĩ Đông Dương. Kể từ năm 1933, trường có đủ điều kiện để đào tạo ngạch bác sĩ quốc gia (doctorat de E'tat), trường Dược đào tạo dược sĩ hạng nhất (Pharmacien de 1re-classe). Hàng năm giáo sư của Đại học Paris sang chủ toạ kỳ thi tốt nghiệp tại Hà Nội. Năm 1941 trường Y Hà Nội có năm khoa: PCB (Lý-Hoá-Sinh), khoa Y đào tạo bác sĩ đa khoa, khoa Dược đào tạo dược sĩ, Nha khoa, khoa Hộ sinh (Xem hình 2). Ngoài ra còn có 5 phòng thí nghiệm: PCB, phẫu thuật, Dược, Hoá, Vi trùng.

---

<sup>25</sup> Thanh nghị (1941), “Trường Cao đẳng Đông Dương hiện tại và tương lai”. số tháng 11/1941, tr.4

<sup>26</sup> Theo Thanh nghị 11/1941, dd, tr.5

Tuy nhiên, theo nhận xét của các trí thức Việt Nam thời bấy giờ, cơ sở vật chất của trường vẫn rất nghèo nàn, đặc biệt là thư viện và phòng thí nghiệm. Thư viện dành cho giáo viên, tiến sĩ và sinh viên năm cuối chỉ có 5000 cuốn sách, 70 đầu tạp chí và báo, đa phần thuộc lĩnh vực Y khoa, tất cả luận văn và luận án đã được bảo vệ tại các trường đại học Pháp. Thư viện cho sinh viên còn có ít sách hơn, theo Thanh nghị đánh giá là không đáp ứng được yêu cầu của một đại học nghiên cứu<sup>27</sup>. Còn theo báo cáo của chính phủ thì thư viện trường đại học cũng là một lĩnh vực được quan tâm đầu tư. Năm 1936 thư viện có 10.755 đầu sách chủ yếu thuộc ba mảng: Luật (1.689 sách), Y và dược (4.067), văn hoá phổ quát (4.999). Mỗi ngày thư viện đón tiếp từ 40-50 sinh viên. Năm 1936 trường dành 3.000 đồng Đông Dương để mua sách cho thư viện Luật<sup>28</sup>

Năm 1941, trường Cao đẳng khoa học (école supérieur des sciences) được thành lập, trực thuộc Đại học Đông Dương, gồm ba khoa: Toán, Vật lý, Khoa học tự nhiên.

#### **4. Chú trọng đến khoa học ứng dụng và tính thực dụng**

Xem xét quá trình phát triển của Đại học Đông Dương có thể nhận thấy rằng các ngành khoa học cơ bản, và đặc biệt là các ngành khoa học xã hội đã không được chú trọng. Giáo sư Trịnh Văn Thảo cũng có nhận định tương tự về đội ngũ giảng dạy của trường khi cho rằng “các khoa học nhân văn và khoa học tự nhiên được xếp vào nhóm “con nhà nghèo” của đại học Đông Dương. Những người ưu tú nhất đều cống hiến trí tuệ của mình cho các trung tâm tư liệu, thư viện, lưu trữ chứ không phải cho trường đại học”<sup>29</sup>. Ở vào thời điểm khai giảng lần đầu tiên, nghị định của Paul Beau có đề cập đến ba ban của Đại học Đông Dương, trong đó có ban Văn học, tuy nhiên dấu ấn của ban này đối với trường dường như rất mờ nhạt.

Việc giảng dạy văn chương (letters) và khoa học chủ yếu thực hiện trong chương trình của trường Cao đẳng Sư phạm.

---

<sup>27</sup> Thanh nghị, 11/1941, dd, tr. 5

<sup>28</sup> Gouvernement Général de l'Indochine, 1936, *Rapport au conseil de gouvernement. Session ordinaire de 1936*. Fonctionnement des divers Services Indochinois, Hanoi: Imprimerie d'Extrême-Orient, 113

<sup>29</sup> Xem Trịnh Văn Thảo, dd, tr. 291

Năm 1922, trường Khoa học ứng dụng được hình thành, theo Nghị định ngày 30/10/1922<sup>30</sup>. Mục tiêu của trường nhằm cung cấp kiến thức khoa học cho các chuyên ngành như công chính, địa chính, khai mỏ, hoá học và điện. Sinh viên của trường lấy trong số đã tốt nghiệp Cao đẳng Công chính. Khóa học chỉ kéo dài 1 năm, nội dung gồm các vấn đề về kỹ thuật chuyên sâu cho ngành công chính như lý thuyết máy và ứng dụng, độ bền vật liệu, thủy lực, xây dựng, kiến trúc, kết cấu bê tông, đường xá và cầu, đường sắt, đường biển, điện công nghiệp, luật hành chính. Khóa học bao gồm vừa lý thuyết vừa thực hành với những ứng dụng đa dạng được sinh viên trải nghiệm trong các lần viếng thăm nhà máy<sup>31</sup>. Năm học 1922-1923 trường Khoa học ứng dụng có 6 sinh viên trong tổng số 436 sinh viên toàn Đại học Đông Dương, số giảng viên là 11 trên tổng 145<sup>32</sup>.

Cùng năm này Đại học Đông Dương mở Cao đẳng văn chương (college des lettres), dự kiến có các khóa học văn chương, triết học và xã hội học và các cuộc hội thảo do thành viên trường Viễn đông bác cổ đảm nhiệm về văn học, lịch sử, địa lý Việt Nam và Trung Quốc, văn minh viễn đông, nghệ thuật và khảo cổ vùng Đông Dương và các khu vực láng giềng. Báo cáo của Toàn quyền nêu rõ “Việc hình thành trường Cao đẳng văn chương là cần thiết vì Đại học Đông Dương vẫn chưa có các môn học mang tính phổ quát và cơ bản để dành cho tất cả mọi sinh viên, cho các thanh niên Việt Nam và cho những người Pháp quan tâm. Những môn học này cần phải được thực hiện để nâng cao môi trường tri thức”<sup>33</sup>. Tuy nhiên không thấy có tên trường trong danh mục 9 trường hợp thành Đại học Đông Dương năm 1922-1923<sup>34</sup> và những năm về sau.

Năm 1924, trường Luật và Hành chính được thay thế bằng trường Cao học Đông Dương theo Nghị định 18/9 cùng năm. Chương trình của trường gắn liền với giáo dục về hành chính công và luật, đồng thời đề cập tới các vấn đề kinh tế xã hội đương thời, và chủ trương một khóa học về triết học và văn học. Khóa học này nhằm đào tạo một giới

---

<sup>30</sup> Xem Gouvernement Général de l'Indochine, 1923, *Rapport au conseil de gouvernement. Session ordinaire de 1923*. Fonctionnement des divers Services Indochinois, Hanoi: Imprimerie d'Extrême-Orient, 46

<sup>31</sup> nt, 66

<sup>32</sup> nt, 47

<sup>33</sup> nt, 47

<sup>34</sup> Gồm trường Y và Dược, Luật và Hành chính, Thú y, Sư phạm, Nông-Lâm, Công chính, Thương mại, Trường Thương mại ứng dụng Sài Gòn, Khoa học ứng dụng

ting hoa người bản xứ có trình độ học vấn cao. Tuy nhiên trường chỉ tồn tại 7 năm. Năm 1931, trường Cao đẳng Luật được tái thiết theo nghị định ngày 11/9/1931

Cũng trong năm 1924, trường Cao đẳng mỹ thuật được thành lập theo nghị định ngày 27/10/1924 với hai ban: ban Kiến trúc (học 3 năm) và ban Vẽ (học 4 năm). Trường chủ yếu dạy các môn mang tính kỹ thuật chuyên ngành như thiết kế, hình hoạ, giải phẫu, mẫu đúc.. Một số môn lý thuyết được đưa vào giảng dạy, trong đó có môn Mỹ học và lịch sử nghệ thuật. Các bài giảng này không chỉ giới hạn số người nghe là sinh viên mà mở rộng cho cả công chúng và được coi là thành công khi có khoảng 70-80 người tới dự<sup>35</sup>

Năm 1941, trường Cao đẳng khoa học (école supérieure des sciences) được thành lập, trực thuộc Đại học Đông Dương, gồm ba khoa: Toán, Vật lý, Khoa học tự nhiên. Chương trình của trường được đánh giá là nghèo nàn và thua xa đại học ở Paris. Khoa Toán ở Hà Nội chỉ dạy môn toán đại cương, Khoa Vật lý dạy môn Hoá đại cương và SPCN (Physique, Chimie, Histoire naturelle). Tạp chí *Thanh nghị* cho rằng trường Cao đẳng Khoa học chỉ mới dựng nên bộ khung và chưa hoàn thiện<sup>36</sup>.

Năm 1947, trong một bài viết đề cập đến vai trò của Đại học Đông Dương đối với việc hình thành một nền văn hoá hiện đại, hội nhập quốc tế, Charton cho rằng hoạt động của trường được tiến hành trên ba phương diện như sau: 1- Đại học Hà Nội; 2- các trường cao đẳng trực thuộc Đại học Đông Dương; 3- sinh viên Đông Dương tại Pháp. Ngoài ra vai trò của Đại học Đông Dương còn thể hiện ở mối liên kết chặt chẽ với các cơ quan khoa học như Viện Viễn đông Bác cổ, Viện Hải dương học.

Năm 1944, trường có 1 528 sinh viên, trong đó 371 là người Pháp theo học tại 3 Khoa (faculte) được Pháp công nhận: trường Y và Dược (353 sinh viên), trường Luật (594 sinh viên), trường Khoa học (275 sinh viên)<sup>37</sup>. Trường Cao đẳng khoa học đã công bố một số các kết quả nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu về hệ động thực vật bao gồm các loài động vật có vú, chim, bò sát và lưỡng cư khảo sát được ở các địa phương<sup>38</sup>

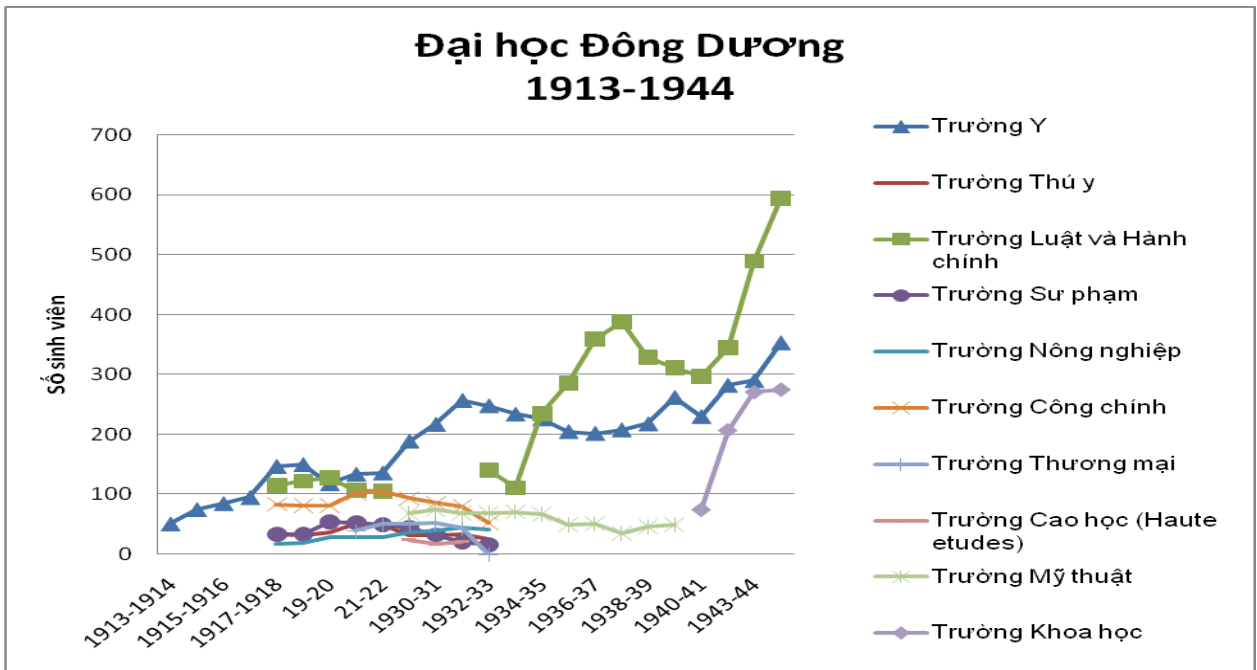
---

<sup>35</sup> Gouvernement Général de l'Indochine, 1929, *Rapport au conseil de gouvernement. Session ordinaire de 1929*. Fonctionnement des divers Services Indochinois, Hanoi: Imprimerie d'Extrême- Orient, 381

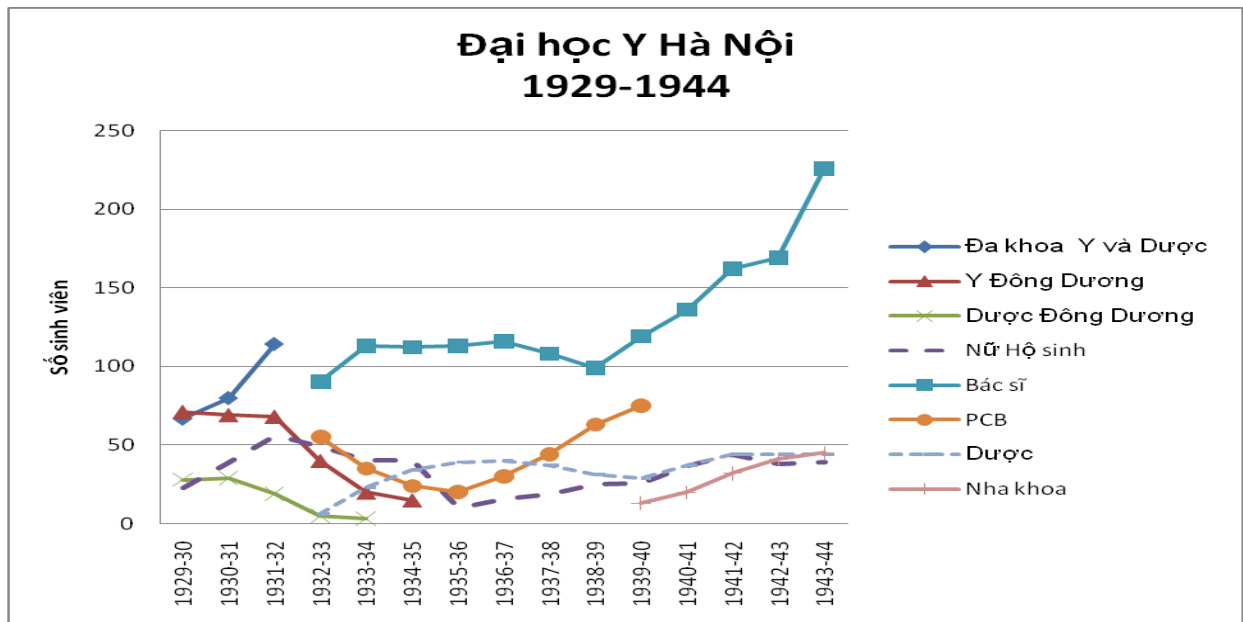
<sup>36</sup> Thanh nghị, “Trường Khoa học Đông Dương”, số tháng 10/1941, tr.2-3

<sup>37</sup> Charton, A. 1947, L'évolution culturelle de l'Indochine, Politique étrangère, No1, 1947, 63

<sup>38</sup> Xem Notes et travaux de l'école Supérieure des Sciences, 1941-1942,1943, 1944 H. IDEO



Hình 1: Số lượng sinh viên đăng ký theo học tại Đại học Đông Dương- Hà Nội (1913-1944)



Hình 2: Số lượng sinh viên theo học các khoa của Đại học Y Hà Nội (1929-1944)

Đặc biệt, nhiều nhà khoa học của trường Y Hà Nội đã góp phần vào các công trình khoa học có tầm cỡ quốc tế, dựa trên các nghiên cứu khảo sát tại Việt Nam như Yersin, Hiệu trưởng đầu tiên của Đại học Y Hà Nội, người đã chế ra vắc xin chống dịch hạch, Calmette, phát minh ra BCG chống lao, thầy thuốc kiêm nhà dân tộc học Huard. Đội ngũ những giáo sư được tuyển chọn kỹ lưỡng cho đại học Y (đa phần là những người đã tốt nghiệp thạc sĩ Y khoa ở Pháp), cũng như sự gắn bó lâu dài của họ với trường Y Đông Dương đã tạo nên danh tiếng cho nhà trường. Nhiều bác sĩ người Việt từng học tập tại trường cũng có những thành tựu trong nghiên cứu khoa học có tầm cỡ quốc gia và quốc tế như bác sĩ Tôn Thất Tùng, bác sĩ Đặng Văn Ngữ, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch...

Trong khi trường đã công bố nhiều công trình có tiếng tăm về nghiên cứu thực tiễn và ứng dụng thì việc đào tạo và nghiên cứu về các khoa học nhân văn và khoa học cơ bản còn mờ nhạt. Một số học giả chuyên mảng xã hội và nhân văn đã được Trịnh Văn Thảo kể tên như Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ nhưng có đóng góp khiêm tốn cho công tác đào tạo. Các học giả Việt Nam và Pháp đã không thể xây dựng nên một trường đại học Văn khoa hay Nhân văn, thành tố quan trọng tạo nên diện mạo cho nhiều đại học lâu đời trên thế giới. Nền học vấn cổ điển của Việt Nam đã bị giới đại học hiện đại lãng quên hoàn toàn.

## **Kết luận**

Trải qua những thăng trầm trong quá trình hoạt động từ 1906 đến 1945, Đại học Đông Dương đã phát triển từ một trường Y chuyên đào tạo các nhân viên y tế để trở thành một đại học nghiên cứu có nhiều đóng góp cho khoa học và hội nhập với nền khoa học thế giới. Đặc biệt, trong giai đoạn 1932-1945, trường không chỉ đào tạo các cử nhân được quốc tế công nhận mà còn đủ trình độ đào tạo tiến sĩ (kể từ năm 1941). Điều đó một phần lớn là nhờ nỗ lực học tập và khả năng nghiên cứu của các sinh viên người Việt, những người đã không chấp nhận chỉ làm nhân viên vệ sinh hay là phụ tá cho các bác sĩ người Pháp. Dưới sự giám sát và chỉ dẫn khắt

khe của các giáo sư Pháp, nhiều nhà khoa học Việt Nam đã vươn lên khẳng định được tên tuổi của mình, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học thực nghiệm và ứng dụng. Đại học Đông Dương là một thiết chế đại học hoàn toàn mới mẻ, nhưng thiếu tính kế thừa từ trường đại học đã tồn tại gần 1000 năm ở Việt Nam (Quốc Tử Giám). Về mặt chuyên môn, đại học Đông Dương và các trường thành viên của nó gắn bó với đại học Paris ở Pháp mà không tiếp nối các di sản học vấn truyền thống của Việt Nam. Người Pháp đã cương quyết cắt đứt mối dây liên hệ giữa giới trí thức Đông Dương với truyền thống, hướng tới hình thành một diện mạo hoàn toàn mới cho trí thức hiện đại Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung.

### **Tài liệu tham khảo**

*Annuaire Statistique de l'Indochine* (1927), Premier Volume (1913-1922), Direction des Affaires Économiques, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi ; *Annuaire Statistique de l'Indochine* (1932), Troisième Volume (1930-1931), Gouvernement Général de l'Indochine, Inspection Générale des Mines et de l'Industrie, Service de la Statistique Générale de l'Indochine, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi; *Annuaire Statistique de l'Indochine* (1933), Quatrième Volume 1931-1932. Gouvernement Général de l'Indochine, Inspection Générale des Mines et de l'Industrie. Service de la Statistique Générale de l'Indochine, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi; *Annuaire Statistique de l'Indochine*, Cinquième Volume (1932-1933), Sixième Volume (1934,1935,1936), Neuvième Volume (1939-1940), Dixième Volume (1941-1942), Onzième Volume (1943-1946), Direction des Affaires Économiques et Administratives, Bureau de la Statistique Générale, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi, Saigon.

Charles Fourniau, Trinh Van Thao, Gilles de Gantès..., *Le contact colonial franco-vietnamien. Le premier demi-siècle (1858-1911"*, Publications de l'Université de Provence, 1999.



Charton, A. 1947, L'evolution culturelle de l'Indochine, Politique etrangere, No1

Chương Thâu, Hồ Song, Ngô Văn Hoà, Nguyễn Văn Kiệt, Đinh Xuân Lâm (1999), *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Sử học, Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Đào Thị Diễm, Sự ra đời của Đại học Đông Dương qua tài liệu lưu trữ, <http://100years.vnu.edu.vn/BTDHQGHN/Vietnamese/C1787/2006/03/N7403/>

*Đông Pháp* (1926), “Sự giả trá của trường Đại học Đông Pháp”, ngày 26 tháng 4 năm 1926.

Đinh Xuân Lâm, Từ Đại học Đông Dương đến Đại học Quốc gia Hà Nội, <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=113&CategoryID=6&News=3511>, ngày 4/10/2010

Kelly, Gail P. (2000), “The Myth of Educational Planning: The Case of the Indochinese University, 1906-1938”, *French colonial education: essays on Vietnam and West Africa*, AMS Press, York.

Journal Officiel d'Indochine, 1907, số 80, tr.1458.

Lessard, Micheline (1995), *Tradition for rebellion: Vietnamese students and teachers and anticolonial resistance, 1888-1931*, PhD Dissertation, Cornell University.

*Nam Phong* (1918), “Về việc ngự giá Bắc tuần”, No11, May 1918, pp. 266-280.

Nguyễn Hiến Lê (2002), *Đông Kinh Nghĩa Thục*, Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

Pascale Bezancon, (2002), *Une colonization educatrice? L'experience Indochinoise (1860-1945)*, L'Harmattan, Paris.

Phạm Hồng Tung, 100 năm Đại học Đông Dương-Đại học Quốc gia Hà Nội: khởi đầu của mô hình giáo dục đại học hiện đại Việt Nam, <http://vietbao.vn/Giao-duc/100-nam-Dai-hoc-Dong-Duong-Dai-hoc-Quoc-gia-Ha-Noi-Khoi-dau-cua-mo-hinh-giao-duc-dai-hoc-hien-dai-Viet-Nam/45193969/202/> ngày 11/5/2006

Phạm Quỳnh (1917), “Trường Đại học”, *Nam Phong*, số 3, tháng 7/1917, tr. 145-152.

*Thanh nghị*, “Trường Cao đẳng Đông Dương”, số tháng 10/1941.

*Thanh nghị* (1941), “Trường Cao đẳng Đông Dương hiện tại và tương lai”. số tháng 11/1941.

*Thanh nghị*, “Trường Khoa học Đông Dương”, số tháng 10/1941.

Trần Thị Phương Hoa (2012), *Giáo dục Pháp-Việt ở Bắc Kỳ, 1884-1945*, Khoa học xã hội.

Trịnh Văn Thảo, *Nhà trường Pháp ở Đông Dương*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.